TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ N
TỈNH QUẢNG N
----- * -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 13-02-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N - TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ngyên.
2. Bà Lê Thị Sỹ.

- Th- ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Hà - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Triệu Tin – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đ- ơng sự:

1. *Ng đơn:* Chị Phạm Thị Ch, sinh năm 1981;
2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn H, sinh năm 1979;
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N.
Chị Ch có mặt, anh H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2005. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Th, huyện Phú N. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị không hạnh phúc do anh H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, ham mê cờ bạc, cá độ nhiều lần đẩy gia đình vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần. Dù đã hết lời khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi. Đến nay, xét thấy không còn tình cảm gì với anh H nữa. Mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Mai Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Mai Thị Tú Tr, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2006 và cháu Mai Anh Ng, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2012. Khi ly hôn chị Ch có nguyện vọng nhận nuôi hai cháu Tr và Ng, không yêu cầu anh H cấp d- ỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Mai Văn H không đến Tòa án để làm việc,không tham gia hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa và không có lời trình bày nào đối với các yêu cầu của chị Ch.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầu đủ các thủ tục tố tụng. Đương sự là bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch và giao hai con chung là Mai Thị Tú Tr và Mai Anh Ng cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Văn H là bị đơn trong vụ án đã đ- ợc Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nh- ng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Mai Văn H.

2/ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ch và anh Mai Văn H tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Th, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và đ- ợc pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Ch, anh H xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vả, bất đồng quan điểm sống, anh H ham mê cờ bạc, cá độ, không có trách nhiệm với gia đình.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án thông báo để vợ chồng anh H, chị Ch hòa giải nhằm đoàn tụ gia đình, nhưng anh H không phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Anh H không tham gia hòa giải, không quan tâm và không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nh- vậy đã thể hiện anh H không xem trọng cuộc hôn nhân của vợ chồng và xem th- ờng pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ch và anh H đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, yêu cầu ly hôn của chị Ch là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Ch.

- Về con chung: Anh H và chị Ch có 02 con chung tên là Mai Thị Tú Tr, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2006 và cháu Mai Anh Ng, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2012 chị Ch có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Tr và Ng đến tuổi trưởng thành. Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại các buổi làm việc của Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu gì của anh H.

Xét yêu cầu chị thì thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về ng- ời trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; tr- ờng hợp không thỏa thuận đ- ợc thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Tại biên bản xác minh ngày 18 tháng 12 năm 2017, bà Trương Thị Kim Hoa – chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Tam L cung cấp chị Ch rất có trách nhiệm với gia đình, chăm lo cho chồng con còn anh H thường xuyên vắng nhà. Cháu Mai Thị Tú Tr đã hơn 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của cháu, Tại bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2017 cháu Mai Thị Tú Tr có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó giao cháu hai cháu Tr và Ng cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp yêu cầu và nguyện vọng của các bên. Chị Ch không yêu cầu anh H cấp d- ỡng nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Chị Ch khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ch phải chịu theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

□p dụng khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ch.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ch ly hôn với anh Mai Văn H.

2/ Về nuôi con chung: Giao hai cháu Mai Thị Tú Tr, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2006 và cháu Mai Anh Ng, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2012 cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng đến tuổi tr- ởng thành. Anh H không cấp d- ỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ- ợc phép cản trở quyền này. Khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi ng- ời nuôi con, mức cấp d- ỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản: Chị Ch không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ch phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số J025144 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú

Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị Ch đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ng đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13-02-2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú N;*
- *UBND xã Tam L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trình Minh Hùng